

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23-7-2025
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Vũ Bằng;

Bà Nguyễn Kim Lân.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Hiếu Nghĩa – Thư ký
tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 52/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N năm 1982; địa chỉ: Khóm F, xã S, tỉnh Cà Mau; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T năm 1975; địa chỉ: Khóm F, xã S, tỉnh Cà Mau; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải tại tòa và các tài liệu trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Trần Thị N1 trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T sống chung năm năm 2000, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, hiện vợ chồng anh đã ly thân nhau. Chị cho rằng cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T2

Về con chung: Có ba người con chung, Nguyễn Văn H, sinh năm 2000, Nguyễn Hoài P, sinh năm 2004 và N3 ngày 15/4/2007. Hiện các con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bản công việc riêng, chị yêu cầu tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

Tại Biên bản hòa giải ngày 21/7/2025 tại tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày:

Anh thống nhất với nội dung trình bày của chị N về hôn nhân, con chung, tài sản, theo đó:

Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị về thời gian chung sống, thời gian kết hôn. Hôn nhân do anh tự nguyện lựa chọn. Anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Thống nhất với trình bày của chị N2 con chung.

Về tài sản chung: Anh xác định tự thỏa thuận với chị N, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do bận công việc riêng, anh xin vắng mặt trong tất cả các phiên hòa giải, xét xử của tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 có nơi cư trú tại xã S, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh T nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị N và anh T yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2000, anh chị sống chung với nhau là hoàn toàn tự nguyện, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không có cơ sở công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh T2. Anh chị đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T thống nhất với yêu cầu của chị N, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh T2.

[3] Về con chung: Anh chị có ba người con chung, Nguyễn Văn H, sinh năm 2000, Nguyễn Hoài P, sinh năm 2004 và N3 ngày 15/4/2007. Các con chung hiện đã trưởng thành, có cuộc sống riêng ổn định không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh T xác định tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị N và anh T xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị N1 và anh Nguyễn Văn T2

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hợp